

VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO TRONG GIÁO DỤC

Dissanayake Mudiyansele Kasun Dharmasiri*

Thuật ngữ giáo dục được gán nhiều định nghĩa khác nhau nhưng không có từ nào trong số đó đưa ra ý nghĩa và câu trả lời chính xác cho thuật ngữ này. Hiện nay, sự phát triển của khoa học và công nghệ đã tạo ảnh hưởng rất lớn đến giáo dục, do đó thuật ngữ giáo dục có ý nghĩa rộng hơn. Tuy nhiên, chúng ta hãy tập trung chú ý vào một vài định nghĩa đã được đưa ra về giáo dục.

Giáo dục là một nỗ lực, được phát triển để khắc sâu những ý tưởng cao cả vào tâm trí trẻ em ...¹. Việc đào tạo những vai trò hữu ích và hiệu quả cho học sinh là giáo dục ...². Giáo dục là đang đào tạo về văn minh ...³. Giáo dục là để hướng học sinh tiến đến những mục tiêu mơ ước ...⁴. Giáo dục cố gắng chuyển hóa hành vi thông qua quá trình học tập ...⁵

Những định nghĩa trên cho thấy ý nghĩa giáo dục là một quá trình đào tạo và nó có chức năng định hướng mục tiêu. Không có ý nghĩa nhất trí được đưa ra cho giáo dục và ý nghĩa thực sự của giáo dục vẫn chưa rõ ràng vì mục đích của giáo dục và mục tiêu của giáo dục dường như có sự khác biệt đáng kể đối với riêng từng xã hội. Ví dụ, một đứa trẻ được sinh ra trong gia đình người da đen, thì giáo dục nó nhận được sẽ phụ thuộc vào các kỹ năng làm bẫy và bắt thú. Do đó, rất khó để hình thành một định nghĩa về giáo dục để được nhiều người chấp nhận. Đơn giản, người ta nói rằng giáo

* PhD Candidate, Centre of Buddhist Studies, Faculty of Arts, The University of Hong Kong, Hong Kong.

Người dịch: Liễu Pháp và Diệu Đoan

dục là một quá trình hướng dẫn cũng như nó là một quá trình xây dựng nền tảng kiến thức tổng quát vững chắc về các vấn đề. Ngoài kiến thức này, giáo dục dựa trên mối quan hệ đạo đức và tâm lý của xã hội loài người. Giáo dục phổ thông là thể tục, tôn giáo, luân lý, đạo đức, tâm linh, hướng nghiệp, nghề nghiệp, ... tất cả những điều này được tích hợp thành một. Bản chất của các cơ sở giáo dục, các vấn đề nghiên cứu, các chiến lược giảng dạy, các biện pháp kỹ thuật như vậy đều có những yếu tố đạo đức và xã hội kết hợp thành một hệ thống.

Như S.B. Kakkar đã đề cập: “Mục đích của giáo dục là chuyển hóa hành vi và tất cả những điều kiện (duyên) tạo ra nó.”⁶ Lindgren gợi ý, ba khía cạnh nên được gộp trong giáo dục, đó là: người học, quá trình học tập, hoặc những diễn biến khi học và tình huống học tập. Tuy nhiên, hệ thống giáo dục ngày nay đã bị ảnh hưởng bởi khoa học và công nghệ hiện đại. Đồng thời, khoa học và công nghệ đã tạo ra tác động rất lớn đến lối sống của con người. Do đó, nền tảng đạo đức của giáo dục là quan trọng hơn bao giờ hết trong xã hội của chúng ta. Về mặt này, hình thành hệ thống giáo dục dựa trên giáo lý Phật giáo sẽ là một phương cách thành công để xây dựng hệ thống giáo dục đạo đức trong xã hội của chúng ta. Bài viết nhỏ này hy vọng sẽ đưa ra một số gợi ý về vấn đề này.

Con người là những sinh vật lý trí trên trái đất, họ có khả năng suy nghĩ và lý luận hơn những sinh vật khác. Từ nguồn gốc của nền văn minh nhân loại, nền giáo dục đã đóng một vai trò quan trọng cho sự phát triển của xã hội loài người. Nguồn gốc ngữ nguyên của từ giáo dục bắt nguồn từ tiếng Latin “e” (= bên ngoài) và “ducere” (= hướng dẫn, dẫn dắt) truyền đạt ý tưởng ‘dẫn một người từ trong bóng tối (<Latin “e”> ra vùng ánh sáng’. Kiểu giảng dạy này đã được người Ấn Độ cổ đại tranh cãi trong bối cảnh tôn giáo của Áo Nghĩa Thư (Upanishadic religious contexts) theo một cách thức là dẫn một người từ không thực tế đến thực tế... Ở đây, có thể hiểu quan điểm, vai trò cơ bản của giáo dục là dẫn dắt một người từ không thực tế về với thực tại.

Do đó, bài kinh Jañā trong Tương Ưng Bộ Kinh (Samyutta Nikaya) minh họa rất rõ quan điểm của Phật giáo

về giáo dục; Anto jañā bahi jañā, jatāya jañitā pjā, Tam taṃ gotama pucchāmi, ko imaṃ vijañāye jañāye jaña, (Người ta ở trong một cái núi, có chỗ rói, có chỗ không rói) Gotama, Tōi hỏi bạn điều này: Ai có thể gỡ rói cái núi này?) Sāle patiññhaya nara sapañño, mcittam paññaṇca mbhāvayaṃ, tātā nipako bhikkhu, vì vậy mimaṃ vijañāye mjañam (Một người được nuôi dưỡng trong đức hạnh, sáng suốt, phát triển sự sáng suốt và tâm trí, một vị tu sĩ nhiệt tâm, tinh cần, sắc sảo: vị đó có thể gỡ rói cái núi này.) (Bản dịch của Tỳ Kheo Tanissaro).

Cả hai đoạn văn này đã chỉ ra bản chất thực sự của giáo lý Phật giáo. Mục đích chính của Phật giáo là làm cho mọi người nhận thức được thực tại thông qua tri thức (Gñāna) và trí tuệ (Paññā). Theo quan điểm của Phật giáo, cả kiến thức và trí tuệ có thể được gọi là vị trí giáo dục tốt nhất và hai vị trí này phụ thuộc vào nền tảng đạo đức. Khi chúng ta xem xét giáo lý Phật giáo từ quan điểm giáo dục, vô số tài liệu tham khảo được gói gọn trong lời dạy của Đức Phật. Các thuật ngữ Pali như Sikkhā, Ajjheti, Adhyapitat, Ajjhayaka có thể được tìm thấy trong các kinh sách Phật giáo, những thuật ngữ này truyền đạt ý nghĩa của giáo dục, từ Sikkhā có nguồn gốc từ động từ ‘Sikkhati’ có nghĩa là kiểm soát, đào tạo, hướng tới mục tiêu, kỷ luật, phát triển, rèn luyện “Các thuật ngữ Ajjhāpana, Ajjheti, Adhyapitat bắt nguồn từ gốc Adhi có nghĩa là hướng tâm trí vào quan sát và lôi cuốn sự chú ý vào những điều cần thiết). Trong bối cảnh này, rõ ràng giáo dục là một quá trình chuyển đổi tư duy và lý luận của một người. Ông đã chỉ ra tầm quan trọng của giáo dục; “Reo lên, đây là một người đàn ông uyên bác và mọi người sẽ vây quanh anh ta. Reo lên, đây là một người đàn ông tốt và mọi người sẽ không nhìn đến anh ta.”⁷

A.S Altekar nói thêm rằng, thực tế là hệ thống giáo dục không nhằm mục đích truyền đạt kiến thức tổng quát về số lượng môn học”⁸. Trong lịch sử, lịch sử của hệ thống giáo dục phổ thông ở Ấn Độ cổ đại có từ rất sớm, có thể nói từ hơn 2000 năm trước Công nguyên hoặc thậm chí sớm hơn. Có những tài liệu tham khảo trong kinh sách cổ nói về Ashrams và Gurukula là nơi các sinh viên trẻ nhận được sự giáo dục của họ về Vệ-đà và Bà-la-môn”⁹, khi chúng

ta nhìn vào mục tiêu của giáo dục ngày trước và ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy đủ sự hội tụ và phân kỳ. Nhưng ngày nay các mục tiêu của giáo dục được kết nối đến sự phát triển đặc điểm tính cách của trẻ em. Và sự trau dồi rèn luyện các lĩnh vực về thân, tâm, tuệ giác và tâm linh của một đứa trẻ được cấu thành một khối giáo dục toàn diện.

Thuật ngữ tiếng Phạn “Adhyāpana” và thuật ngữ Pāli “Ajjhāpana” được sử dụng để tạo ra ý nghĩa giáo dục. Từ điển Pali - English đưa ra ý nghĩa của thuật ngữ “Ajjhāpana, tư vấn và giáo dục¹⁰”, theo từ điển tiếng Phạn-Anh của Monier William mang ý nghĩa cho giáo dục là ‘tư vấn và giáo dục’. Từ điển của Robert Caesar Childers về ngôn ngữ Pali cung cấp các định nghĩa cho thuật ngữ giáo dục “Ajjhāpana, hướng dẫn và Ajjhāpeti, chỉ ý nghĩa để dạy, để hướng dẫn.¹¹” Từ điển tiếng Anh - Pali cho ý nghĩa; giáo dục, Sikkhāpeti, Uggāñhapeti, Sikkhāpana, Ajjhāpana và người tham gia vào nhiệm vụ đó được gọi là Uggahadāyaka.¹² Theo cách này, Phật giáo sử dụng các từ đồng nghĩa khác nhau với thuật ngữ giáo dục. Từ tiếng Phạn, Adhyāpana (Giáo dục) có thể được hiểu là Ajjhāpana trong ngôn ngữ Pali. Ngoài ra, thuật ngữ Pali Uggahā có nghĩa là “học” và thuật ngữ Uggahapaka ý nghĩa “giảng dạy”. Như đã lưu ý bởi Piyaratane, “Một cách giải thích mới đã được thực hiện cho từ giáo dục thông qua từ Sikkhā. Điều này có nghĩa là, rèn luyện đạo đức và phát triển tâm linh của một người...¹³

Giáo dục chủ yếu nhằm biến đổi bản chất bên trong của con người và hình thành tính cách thông qua việc phát triển các giá trị đạo đức và phẩm hạnh. Nói cách khác, giáo dục là công cụ chính của sự khắc sâu giá trị đạo đức bằng cách kiểm soát bản chất “con” ban đầu của con người.

Mục đích cuối cùng của các lời dạy trong kinh sách Phật giáo về giáo dục hoạt động như một quá trình nhận thức. Quá trình nhận thức này về mặt luân lý và đạo đức thì rất tiên tiến. Khi chúng ta xem xét các diễn ngôn tôn giáo của cả phương Đông và phương Tây, có thể hiểu thực tế là hầu hết các phong trào và các tổ chức tôn giáo đã có ảnh hưởng đáng kể đến giáo dục. Đặc biệt, từ quan điểm

tôn giáo, các giá trị tôn giáo và phong tục là những khái niệm cơ bản trong bối cảnh giáo dục. Thời kỳ tiền Phật giáo ở Ấn Độ, khái niệm giáo dục được nhiều người công nhận là một nghề nghiệp, đặc biệt, dưới sự lãnh đạo của Bà la môn giáo. Giáo dục được coi là một yêu cầu cơ bản của xã hội trong thời kỳ này. Họ đã chia cuộc sống của con người thành bốn phân kỳ. Phân kỳ đầu tiên của cuộc đời được dành cho giáo dục (*saisavableshasta vidyanam*). Một trong những khổ thơ trong một văn bản tiếng Phạn đã cho biết rằng giáo dục chi phối toàn bộ vòng đời. Khổ thơ minh họa mục tiêu cuối cùng của giáo dục, *Vidyā Dadāti vinayaṁ vinayād yati patratāṁ, patratvād dhanamapnoti dhanād dharmam tatah sukhaṁ* - giáo dục/tri thức mang lại kỷ luật, từ kỷ luật mang lại sự xứng đáng, từ sự xứng đáng người ta được sự giàu có, từ sự giàu có người ta làm những việc tốt, từ đó hạnh phúc đến. Hệ thống giáo dục Ấn Độ cổ đại được khái niệm hóa nhằm thúc đẩy hạnh phúc xã hội. Giáo dục là một tổ chức tốt nhất để thúc đẩy phúc lợi xã hội và trật tự xã hội, khi một xã hội không có nền tảng giáo dục tốt, một xã hội như vậy có thể đi đến suy vong. Sự khai thác bản chất bên trong và bên ngoài của xã hội sẽ được mô tả thông qua những dấu hiệu tổn thương về tâm lý ví dụ dưới hình thức của cuộc chiến tranh hoặc bất kỳ hình thức xung đột xã hội nào khác. Khi chúng ta nhìn vào nguyên nhân sâu xa của xung đột bên trong và bên ngoài xã hội, cuộc xung đột xảy ra là do sự thiếu vắng một nền giáo dục đúng đắn vì xung đột của những đơn vị chủ quản.

Nguồn gốc của Phật giáo có thể được xem là một phản ứng tích cực đối với những tư tưởng tôn giáo đương đại. Những triển vọng lời dạy triết lý của Phật giáo đã đưa đạo Phật lên mức được sự công nhận cao nhất của xã hội. Kinh Phạm võng (*Brahmajāla Sutta*) trong *Trường Bộ Kinh (Dīgha Nikāya)* minh họa xã hội đương đại trong sáu thế kỷ trước công nguyên ở Ấn Độ vào thời điểm Đức Phật bị vạ vạ bởi sáu mươi hai quan điểm giáo điều. Về vấn đề này, bình minh của Phật giáo có thể được biết đến như một phương tiện để giải thoát con người khỏi bóng tối vô minh (*Avijjā*) và dẫn họ đến vùng sáng của trí tuệ (*Paṁñā*). Quan điểm triết học này đã cung cấp con đường mới để Phật giáo được biết đến như một học

thuyết giáo dục có triển vọng.

Những nguồn tài liệu của Phật giáo Nguyên thủy liên quan đến nhiều thuật ngữ và khái niệm giáo dục ở diện rộng, như Vijjā (minh), Vijjācarana (minh hạnh), Sattā (đạo sư), Upajjhāya (thầy tế độ), Antevāsika (đệ tử), Bāla (dại dốt), Medhāvi (Trí tuệ), Bahussuta (đa văn) Dhamma-desanā (thuyết Pháp), Dhammasavanā (nghe Pháp), và Dhamma Sākacchā (thảo luận Phật pháp), Sunātha (Lắng nghe), Dhāretha (thấu hiểu), Carātha (Ứng xử) v.v... Sự độc đáo của triết học giáo dục Phật giáo dựa trên giá trị đạo đức và phẩm hạnh, con đường tri thức tam học Sāla Morality (Giới), Samādhi (Định) và Paññā (Tuệ) có thể được hiểu là một cái nhìn tuệ quán sâu xa về giáo dục Phật giáo. Giáo huấn xuất sắc nhất sẵn có trong bài giảng bát chánh đạo; Bát chánh đạo giải thích rõ cách thức và phương tiện để chế ngự toàn bộ hệ thống hành vi tính cách con người. Phật giáo dẫn khởi quan điểm đúng đắn (Chánh kiến); suy nghĩ đúng đắn (Chánh tư duy), lời nói đúng đắn (Chánh ngữ), hành động đúng đắn (Chánh nghiệp), sinh kế đúng đắn (Chánh mạng), nỗ lực đúng đắn (Chánh tinh tấn), chánh niệm và tập trung tinh thần đúng đắn (Chánh định) là những công cụ quan trọng để phát triển nhân cách. Tám hình thức này cũng có thể được hiểu là những bước chuyển hóa hành vi và những bước này sẽ góp phần nuôi dưỡng lối sống có giáo dục tốt trong đời sống xã hội của con người. Tại phần trình bày này, Phật giáo cho thấy thuật ngữ hoàn thiện về mặt đạo đức và phẩm hạnh như “Sammā” có nghĩa là “Chánh = đúng”, toàn bộ tám thành phần của bát chánh đạo kết nối với cách suy nghĩ đúng đắn (Chánh tư duy), cách hành xử đúng đắn (Chánh nghiệp) và cách hiểu đúng đắn (Chánh kiến), ba năng lực này có thể được coi là chiến lược phát triển nhân cách thuận lợi cho những nguyên tắc giáo dục của Phật giáo. Tám chiến lược này là những thành phần cơ bản trong con đường giác ngộ. Như Dhammadassi đã đề xuất: “Như một vấn đề thực tế, tính độc đáo của quan điểm Phật giáo về giáo dục nằm ở chỗ con đường triết học nâng cao kiến thức và nhận thức. Nói cách khác, kiến thức của Phật giáo chỉ là một phương tiện để đến cứu cánh và không phải là một cứu cánh trong tự thân nó...”¹⁴

Cấu trúc giáo dục của Phật giáo được ghi chép lại đặc biệt tại

các tu viện Phật giáo. Khi chúng ta nghiên cứu kỹ các văn bản Luật tạng (Vinaya), chúng ta sẽ có thể hình thành một bức tranh khá căn bản về sự phát triển của cuộc sống tu hành thời Phật giáo Nguyên thủy. Sự phát triển của đời sống tu hành cho thấy nền tảng giáo dục của Phật giáo. Lời giáo huấn đầu tiên của Đức Phật: “Này các Tỳ kheo, hãy đi bộ, đi du hành để ban phước cho nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người vì lòng từ bi đối với thế giới, vì phúc lợi, phước lành, hạnh phúc của chư thiên và chúng sinh. Đừng đi hai người một đường. Này các Tỳ Kheo, hãy dạy pháp hoàn hảo, hoàn hảo ngay đoạn đầu, hoàn hảo ở đoạn giữa và hoàn hảo ở đoạn kết...”¹⁵ Đây là bài học giáo dục đầu tiên được Đức Phật hướng dẫn. Ở đây, Phật giáo trình bày những ý tưởng rằng bất cứ kiến thức và khả năng nào, chúng ta phải sử dụng chúng cho sự thịnh vượng của nhân loại cũng như cho sự thịnh vượng của môi trường xã hội.

Các nguyên tắc giáo dục của Phật giáo đối với đạo đức nghề nghiệp đưa ra một ví dụ, “nếu thầy bị bệnh, thầy nên chăm sóc mình cho đến giây phút cuối cuộc đời, thầy nên đợi cho đến khi mình bình phục. Ở đây, Phật giáo cho rằng tại cấp độ này, mối quan hệ của thầy trò không bị giới hạn đạt được kiến thức hoặc kỹ năng. Nhưng nó phải là mối quan hệ từ trái tim đến trái tim, cũng như cam kết suốt đời để chăm sóc lẫn nhau. Do đó, về vấn đề này, không có gì phải bàn cãi trong mối quan hệ của thầy và trò có tinh thần đạo đức và tôn giáo tâm linh. Mối quan hệ này đáng lẽ phải được coi là mục đích quan trọng hàng đầu của giáo dục Phật giáo. Như A.S Altekar ghi nhận: “Mục đích trực tiếp của mọi nền giáo dục, dù là học chữ hay học nghề là làm cho học sinh thích hợp để trở thành một thành viên hữu ích và nhiệt thành của xã hội...”¹⁶

Kỷ luật được coi là nhân tố quan trọng trong tính cách của người học, khía cạnh quan trọng nhất trong kỷ luật của đời sống học trò là cuộc sống trong sạch và khiêm nhường, tôn trọng thầy, giới luật, người lớn tuổi, tuân theo nội quy, sống đơn giản, dậy sớm, chấp hành bốn phạm hạnh ngày, độc thân, tuân thủ giới luật tôn giáo, cống hiến và tận tâm với Phật pháp và Tăng đoàn, cam kết tuân thủ các quy tắc và điều lệ. Đồng thời, người thầy được kỳ vọng sẽ thể hiện một cuộc sống lý tưởng bằng chính hành vi của mình. Thầy được coi là người cha của các môn đệ và chăm sóc môn đệ hết sức

từ bi (compassion), hết sức bình đẳng (equanimity - buông xả), hết lòng nhân ái (loving kindness), thầy nên truyền trao giáo dục thích hợp với khả năng tốt nhất của mình. Đó là thể hiện lòng tôn kính đạo và thầy không nên phân biệt trò của mình vì đẳng cấp, tôn giáo, nền tảng xã hội, giới tính hoặc bất kỳ sự xem xét nào khác. Vào thời Đức Phật, phân chia đẳng cấp xã hội là một trong những nhu cầu xã hội; Phật giáo chỉ ra việc xuất hiện phân chia xã hội đã xảy ra không phải vì đẳng cấp hay sự ra đời của một người mà vì lý do lịch sử và kinh tế. Phật giáo chỉ ra rằng đẳng cấp sẽ không ảnh hưởng đến môi trường đạo đức và đạo đức của một người. “Cơ sở của sự vượt trội của một cá nhân không thể là gì khác ngoài hành vi đạo đức của anh ta. Không phải đẳng cấp, cũng không phải nghề nghiệp, cũng không phải sự giàu có, cũng không phải do học hành, không phải địa vị, có thể xác định phẩm chất của một con người trong xã hội ngoại trừ phẩm chất đạo đức của một cá nhân...”¹⁷. Khi được hỏi về phẩm chất của một Bà-la-môn là gì, Đức Phật cho biết một người đã loại bỏ tà ác (evil), tự phụ (conceit), ác ý (ill-will), phiến não (defilement), sân (anger), chấp trước (attachment), kiến thức rộng hiểu biết nhiều thông thạo (versed in knowledge) và phẩm hạnh (conduct) là một số đặc điểm thích hợp của người thánh thiện. Từ quan điểm giáo dục đạo đức, Phật giáo chủ trương tầm quan trọng của bình đẳng và dân chủ theo Phẩm cấp. Các thành viên của Tăng đoàn có thể được coi là một hình mẫu mẫu mực trong trật tự xã hội cũng như biểu tượng của nền dân chủ trong Phật giáo. Đối tượng cuối cùng của giáo dục Phật giáo là nhằm đạt được tự do; Tự do tư duy, tự do ý chí, tự do ngôn ngữ, tự do tư tưởng tôn giáo v.v ... Đức Phật khẳng định rằng sự tôn trọng và tôn kính trong xã hội sẽ được trao tặng dựa trên cơ sở những phẩm chất và hành vi đạo đức và luân lý của một người.

Sự phát triển của nhân cách là một yếu tố chính của hệ thống giáo dục; điều này có thể được thực hiện thông qua việc trau dồi sự tự tin, tự lực, tự quyết, tự trọng và tự kiểm soát. Các kinh sách của Phật giáo Nguyên thủy đã đề xuất những thuật ngữ như Tự thực hiện (Attakāra), tự quản (purisakāra), tự lực (purisabala), tự nỗ lực (purisa viriya), tự cường (purisathāma), khả năng tự có và tinh cần (purisa parakkama và purisa dorayya), như một số thuật

ngữ khẳng định trình độ phát triển nhân cách trong đề xuất luân lý và đạo đức. Đỉnh cao của những nét đặc sắc trong giáo dục đạo đức Phật giáo tiêu biểu trong việc thực hành mười phẩm chất dẫn đến quả vị Phật - Ba-la mật-đa (Pāramitā) là những yếu tố hỗ trợ cho việc tu luyện một cuộc sống hoàn hảo.

Phật giáo khuyến nghị sự thực là hình phạt (Sahasāpateyya daṇḍam) không nên có trong giáo dục, việc trừng phạt những học trò phạm lỗi hiện nay đang trở thành một vấn đề gây tranh cãi, các nguồn văn học tôn giáo Ấn Độ cổ đại đã chỉ ra rất nhiều bằng chứng liên quan đến việc trừng phạt học sinh. Āpastamba khuyến rằng một giáo viên nên cố gắng cải thiện các học sinh lì lợm, bướng bỉnh bằng cách đuổi không cho đến trường hoặc bằng cách bắt nhịn ăn. Ông ta dường như chống lại sự trừng phạt về thể xác. Manu phát triển hùng hồn về sự thuyết phục nhẹ nhàng, nhưng cuối cùng cho phép áp đặt hình phạt (đánh) nhẹ về thể xác bằng một cái thước hoặc cái roi mỏng. Gautama đồng ý với anh ta, nhưng nói thêm rằng một giáo viên đưa ra một hình phạt nghiêm khắc sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý... bị đưa ra với tâm thù địch¹⁸).

Trong thời cổ đại, việc thi hành hình phạt hành xác có thể được nhận ra. *Kinh Mahādukkhakaṇḍa Sutta* liệt kê một số phương pháp trừng phạt chết người được thực hiện vào thời Đức Phật. Đức Phật đã biết hậu quả xấu của những hình phạt đó, ngài chỉ trích và từ chối không áp dụng những hình phạt đó. *Kinh Pháp cú (Dhammapada)* ghi lại:¹⁹ “Một cá nhân có thể đã bị mê mờ trong quá khứ, nhưng sau đó, anh ta đã chuyển hóa được suy nghĩ của mình và trở thành một người hết vô minh.

“Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.”

PC.172 (trích dẫn Pháp cú - HT Thích Minh Châu - nhằm thoát ý tác giả - Nd)

Vì lẽ đó, vị ấy giống như mặt trăng xuất hiện từ phía sau một đám mây đen, soi sáng cả thế giới. Bất cứ ai nhờ thiện nghiệp che đậy cái ác đã làm, như mặt trăng không còn bị mây che thì sẽ chiếu

sáng cả thế giới. Theo nghĩa này, các nguyên tắc giáo dục của Phật giáo dạy thực tế rằng một vị A La Hán là người có trình độ học vấn cao nhất vì vị ấy không bị phiền não và được hưởng hạnh phúc tinh thần cao nhất. Phật giáo thúc đẩy mỗi người trên trái đất nên đạt được mục tiêu này. Đức Phật cuối cùng khuyên Ananda đáng kính như vậy; “Ananda, hãy tự mình thắp sáng mình lên, hãy quên đi một nơi nương tựa cho bản thân. Hãy làm cho mình không phải nương tựa bên ngoài. Giữ vững chân lý của Pháp như ngọn đèn của mình. Giữ vững như một nơi ẩn náu cho sự thật. Đừng tìm chỗ ẩn náu ở bất cứ nơi ai ngoại trừ chính mình. Ananda, dù bây giờ hay sau khi Như Lai nhập diệt, hãy hành động như vậy, chỉ những điều đó mà trong số những người ẩn dật của Như Lai đạt tám người đứng đầu và thậm chí ngay cả họ vẫn phải sẵn sàng học”²⁰.

Để tóm tắt cho nghiên cứu này, có thể hiểu rằng Phật giáo cho thấy các đặc điểm giáo dục nổi bật do một nhà giáo dục chân chính đảm nhận; vị ấy không bị ràng buộc, vị ấy biết bản chất thực sự của duyên khởi và của sinh diệt, vị ấy nhân cách hóa lý tưởng đạo đức Phật giáo, vị ấy cảnh giác về hành vi luân lý và đạo đức, vị ấy luôn ở trong trạng thái cơ sở của bốn chánh niệm (thân, thọ, tâm, pháp), hành vi của vị ấy phù hợp với pháp luật và đạo đức. Vị ấy luôn ở trong trạng thái hạnh phúc siêu thế. Điều đáng chú ý là chính Đức Phật vẫn tiếp tục sứ mệnh hoằng pháp của mình trong khi bước về phía trước vượt các rào cản xã hội thời ấy vây quanh để đưa giáo pháp của ngài đến những người tiếp kiến mình. Như đã đề cập trong *Ariyapariyesana Sutta* thuộc bộ Majjhima Nikāya, nhà khổ hạnh Gotama muốn tìm hiểu Kimm Kusalagavesi, điều gì là tốt về mặt đạo đức, đây là nghĩa vụ đạo đức cao nhất trong giáo dục Phật giáo.

Trong *Alagaddūpama Sutta* giải thích thực tế, rằng ai đó không nên học giáo lý của ngài với ý định đánh bại người khác hoặc trong ý định đạt được danh tiếng từ người khác, ví dụ lý tưởng này cho thấy những lời dạy của Đức Phật có một sự gắn kết chặt chẽ với giáo dục nhiều như thế nào. Đức Phật nói rằng; “Này các Tỳ kheo, một số người bị hướng dẫn sai học những giáo pháp, khổ thơ, bài kệ, câu thơ, câu cảm thán, câu nói, những câu chuyện sinh (tử?), những phép thần thông và những câu trả lời cho những vấn đề, ... nhưng đó là học Pháp, “idha bhikkhave , suttam geyyamveyyā-

karanm, gātha udāna itivuttaka jātaka abbhutadhamma vedalla.”²¹
 Phạm vi rộng của giáo dục đạo đức trong Phật giáo được đề cập trong *Kalama Sutta*, Theo đó, dạng mặc khải - truyền thuyết (*anusava*), truyền thống (*paramparā*), tin đồn (*itikirā*), căn cứ theo kinh sách tôn giáo (*pitakasampada*) như logic (*takkaetu*), chỉ dựa trên quan điểm có vẻ hợp lý (*nayahetu*), phản ánh về sự xuất hiện đơn thuần (*ākāraparivitakka*), chỉ vì phù hợp cùng quan điểm (*diññhinijjhānakkhantiyā*), chỉ xem xét trên năng lực của một người (*bhābarūpatāya*) và xem đó là người thầy ẩn dật của chúng ta (*samano no garu*). Trong sự giải thích rất rõ ràng này, Phật giáo đã khuyến khích ai đó tham gia vào việc thực hành giáo dục, hành giả không nên bám víu vào quan điểm giáo điều và người thực hành giáo dục nên có tư duy phê phán và suy nghĩ phê phán về toàn bộ vòng đời. ⁽¹⁾

(1) TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Peters R.S, (1967), *Concept of Education*, London, Page.05
 Peters, R.S, (1966), *Ethics and Education*, London, Page. 31
 Unesco, (1953), *Humanism and Education in East and West*, Paris, Page.79
 Upali D. Seram, (1977), *Educational Criteria*, Colombo, page.20
 S.B, Kakkar, (2004), *Educational Psychology*, Printic Hall of India Private Limited, page 01, New Delhi, Ibid, page. 02
 A. S. Altekar, (1944), *Education in Ancient India*, Nand Kishore and Bros, Educational Publishers, page. 10
 A.S. Altekar, (1944), *Education in Ancient India*, Nand Kishore and Bros, Educational Publishers, page. 22
 S.N.Sharma, (1994), *Buddhist Social and Moral Education*, Parimal Publication, Delhi, page. 38
 Rhys David and Stede, (1966), *Pali English Dictionary*, Pali text society, London, pages. 11-12
 Childers, Robert Caesar, (1909), *A Dictionary of the Pali Language*, London, page. 21
 Buddhadatta Polvatte, *English Pali Dictionary*, (1955), Delhi, India, page. 164
 Piyyatane Kadawathgama, (2002), *Teaching Methodology and Strategies Highlighted in Buddhism*, page 03
 Dhammadassi, (2009), *Buddhist contribution to education*, Department of Pali and Buddhist studies, University of Sri Jayawardenepura, page. 15
 The Book of the Discipline, (2000), *Vinaya-Pitaka Volume IV, Mahavagga*, Translated by I.B. Horner, PTS, Oxford, Page. 28
 A.S. Altekar, (1944), *Education in Ancient India*, Nand Kishore and Bros, Educational Publishers, page. 10
 S.N. Sharma, (1994), *Buddhist Social and Moral Education*, Parimal Publication, Delhi, page. 52
 A. S. Altekar, (1944), *Education in Ancient India*, Nand Kishore and Bros, Educational Publishers, page. 27
 Dhammapada; *Treasury of Truth, Illustrated Dhammapada (Lokavagga)*, edited by Sarada Weragoda, Buddha Dhamma Education Association, Yo ca pubbe pamajjitvā, pacchā so nappamajjati, Somaū lokaū pabhāseti, abbhā muttova candimā 173-174 stanza, Yassā pāpāū kataū kammaū, kusalena pidhāyati, Somaū lokaū pabhāsetā, abbhā muttova candimā, pages. 729--731
 S. N. Sharma, (1994), *Buddhist Social and Moral Education*, Parimal Publication, Delhi, pages. 69-70
 Majjhima-Nikāya, Edited by Trenckner, V, Volume, I, (1979) PTS, London, page 133

